TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1057/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2017
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Ngọc Xuân

2. Bà Lý Ngọc Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Nữ Như N, sinh năm: 1988; Địa chỉ: đường D , Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Trung H, sinh năm: 1980; Địa chỉ: đường D , Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: đường D1 , Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 04 tháng 01 năm 2017 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Nữ Như N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh Trung H chung sống vợ chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2013 ngày 28/01/2013. Trong thời gian chung sống giữa bà và ông H có sự bất đồng về quan điểm, do ông H chung sống với bà không chung thủy

nên làm cho bà mất niềm tin và không còn tin tưởng ở ông H. Bà và ông H đã nhiều lần tự hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Hiện vợ chồng đã sống ly thân bản thân bà không còn tình cảm gì với ông H nữa nên bà cương quyết xin ly hôn. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh Trung H.

Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Minh H1, sinh ngày: 15/8/2015 ngoài ra không có con chung nào khác. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 7 năm 2017 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Minh Trung H trình bày: Ông thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng giữa ông và bà N có xảy ra mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng do bà N không tin tưởng ông vì có mối quan hệ khác khi ông còn làm ở công ty cũ. Mặt dù hiện nay ông và N sống ly thân nhưng ông vẫn cố gắng làm tốt vai trò làm chồng, làm cha và thường đến chăm sóc con. Vì bản thân ông vẫn muốn cứu vãn và duy trì cuộc sống hôn nhân này để con cái có đủ tình thương cha mẹ nên ông muốn đoàn tụ gia đình, không muốn ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Minh H1, sinh ngày: 15/8/2015 ngoài ra không có con chung nào khác.

Về tài sản chung và nợ chung : không có.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; được quyền nuôi con chung tên là Nguyễn Minh H1; yêu cầu ông H cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Về tài sản chung và nợ chung : không có.

- Bị đơn xin được đoàn tụ gia đình. Nếu Tòa án chấp thuận cho bà N ly hôn thì ông xin được nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Minh H1, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà N nuôi dưỡng con chung thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Về tài sản chung và nợ chung : không có.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/01/2013 cho bà Nguyễn Nữ Như N, ông Nguyễn Minh Trung H và Giấy khai sinh số 279, quyển số 02/2015. Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ vào theo quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Nữ Như N thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét việc bà Nguyễn Nữ Như N và ông Nguyễn Minh Trung H chung sống vợ chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2013 ngày 28/01/2013 nên xác đinh đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Nữ Như N xin ly hôn với ông Nguyễn Minh Trung H do ông H chung sống với bà không chung thủy làm cho bà không còn tin tưởng ông H nữa. Ông H thừa nhận trong thời gian chung sống giữa ông và bà N có xảy ra mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, nguyên nhân chủ yếu bà N không tin tưởng ông. Mặt dù ông H đã đưa ra rất nhiều phương án để xây dựng cuộc sống gia đình nhưng bà N cương quyết không đồng ý. Vì bà cho rằng bà đã mất niềm tin ở ông H dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà cương quyết xin ly hôn. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án chấp nhận.

[4] Xét về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà N và ông H có 01 con chung tên là Nguyễn Minh H1, sinh ngày: 15/8/2015 ngoài ra không có con chung nào khác. Bà N và ông H đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, xét yêu cầu xin nuôi con của các bên đương sự là tự nguyện và chính đáng, đây cũng là quyền và trách nhiệm của cha mẹ đối với con. Tuy nhiên trẻ Nguyễn Minh H1 tính đến thời điểm này mới được 02 tuổi, độ tuổi này còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa sau khi bà N và ông H sống ly thân trẻ H1 vẫn do bà N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tại phiên Tòa bà N đã chứng minh rằng đã nuôi con tốt về mọi mặt và luôn tạo điều kiện thuận lợi để ông H thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Do vậy đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung theo quy định vào Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án quyết định giao con chung tên là Nguyễn Minh H1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Xét yêu cầu của bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Tại phiên Tòa ông H đồng ý với bà N về phương thức và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy yêu cầu của bà N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung bà N và ông H xác nhận là không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Nữ Như N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Minh Trung H là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu án phí theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Nữ Như N xin ly hôn ông Nguyễn Minh Trung H.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Nữ Như N và ông Nguyễn Minh Trung H có 01 con chung tên là Nguyễn Minh H1, sinh ngày: 15/8/2015 ngoài ra không có con chung nào khác.

Giao cho bà Nguyễn Nữ Như N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Minh H1. Ông Nguyễn Minh Trung H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Nữ Như N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Minh Trung H không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông Nguyễn Minh Trung H còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông H xác nhận là không có nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Nữ Như N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0026684 ngày 19/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Minh Trung H phải chịu. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Nguyễn Cửu Thị Mẫn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **HỘI THẨM NHÂN DÂN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**